

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẬU LỘC
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ - ST
Ngày 27/03/2019
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC -TỈNH THANH HÓA**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Thành
2. Ông Hoàng Văn Cường.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Chuyên - Thư ký Tòa án
Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu L xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 163/2018/TLST-HNGĐ ngày 29/08/2018 về việc "Ly hôn, Tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05 /2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 28/02/2019, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ph - Sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Thôn 3 , xã L L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

*** Bị đơn:** Anh Hà Quang B - Sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Thôn Tr Ph, xã Th L, huyện Hậu L, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị Ph, anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ph:**

-Về hôn nhân: Tôi và anh B kết hôn năm 2017 có Đăng ký kết hôn và được UBND xã L L cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 8/3/2017.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không hợp nhau. Nguyên nhân do anh B không quan tâm đến vợ con dẫn đến việc vợ chồng luôn bất đồng quan điểm. Không chịu được nên tôi đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở từ ngày 3/5/2018, vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay. Thời gian ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay tôi xét thấy, vợ chồng không còn tình nghĩa gì, nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh B.

-Về con chung: Vợ chồng tôi có một con chung là cháu Hà Thị Thanh Th sinh ngày 7/12/2017. Hiện nay cháu Th đang ở với tôi. Ly hôn, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được nuôi cháu Th, tôi yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi.

-Về tài sản và công nợ: Chúng tôi không có tài sản chung và cũng không nợ ai nên tôi không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

***Theo lời trình bày của bị đơn anh Hà Quang B:**

-Về hôn nhân: Tôi và Nguyễn Thị Ph tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, được UBND xã L L cấp giấy Đăng ký kết hôn vào ngày 08/03/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được gần 15 tháng tình cảm vợ chồng không có vấn đề gì xảy ra mất đoàn kết gây ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Cho đến ngày 28/04/2018 sau khi ăn cơm trưa xong thì cô Ph mang một số kỷ vật mà bản thân gia đình tôi trao tặng và tư trang cá nhân. Đồng thời tuyên bố cảm ơn gia đình tôi. Tuyên bố trước gia đình tôi và bản thân tôi là: “Con không lấy anh nữa với lý do anh B đi làm không có tiền, không có tương lai, và chủ động nhận nuôi cháu Th và không thể nuôi thêm bản thân tôi được”.

Ngoài ra còn nói là cho anh B đi lấy vợ khác. Bản thân tôi và gia đình hết sức bất ngờ và bức xúc vì lúc nào tôi cũng tập trung lo lắng thương yêu gia đình, trong thời gian chúng tôi ly thân với nhau. Cũng trong thời gian ly thân đó tôi có vào thăm cháu Th 02 lần nhưng cả 02 lần ông bà Khoan Liêm (bố mẹ cô Ph) không cho tôi tiếp xúc, chăm sóc cháu Th và tuyên bố: “Tôi không phải là bố đẻ của cháu Hà Thị Thanh Th”. Sự việc này xảy ra rất nhiều lần nên yêu cầu của tôi là xét nghiệm ADN giữa tôi và cháu Hà Thị Thanh Th. Quan điểm của tôi đồng ý với đơn khởi kiện của Nguyễn Thị Ph về việc xin được ly hôn với tôi

-Về con chung: Tôi yêu cầu gia đình cô Ph và cô Ph xét nghiệm ADN giữa tôi và cháu Hà Thị Thanh Th và mọi chi phí xét nghiệm thì gia đình cô Ph phải tự bỏ, thì tôi sẽ có trách nhiệm với cháu Th.

-Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có gì chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

***Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tại biên bản làm việc xác minh tình trạng hôn nhân ngày 12/11/2018, chính quyền địa phương cho biết mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Ph và anh B là có thật, chị Ph bỏ về bên ngoại ở từ tháng 5 năm 2018 đến nay không về, nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ph. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị Ph được ly hôn đối với anh Hà Quang B.

- *Về con chung*: Giao cháu Hà Thị Thanh Th cho chị Nguyễn Thị Ph trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, Buộc anh Hà Quang B phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Ph mỗi tháng từ 1.500.000đ đến 2.000.000đ/ tháng.

- *Về tài sản và công nợ*: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Hà Quang B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị Ph và anh Hà Quang B là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, mặt khác anh B có nơi cư trú thôn Tr Ph, xã Th L, huyện Hậu Lộc nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho hai bên đương sự theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

[3].Về nội dung tranh chấp:

- *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Hà Quang B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã L L vào ngày 08/03/2017. Như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới chị Ph trình bày vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không hợp nhau. Nguyên nhân do anh B không quan tâm đến vợ con dẫn đến việc vợ chồng luôn bất đồng quan điểm. Không chịu được nên chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở từ ngày 3/5/2018.

Đối với anh B thì thời gian vợ chồng sống chung với nhau được gần 15 tháng không có vấn đề gì xảy ra mất đoàn kết gây ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, đến ngày 28/04/2018 chị Ph tự dâng bé con và đem hết tư trang về bên ngoại ở. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, trong thời gian sống ly thân anh B có đến thăm con 02 lần nhưng gia đình chị Ph đều cấm không cho anh thăm cháu.

Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được phân tích khuyên giải để vợ chồng về đoàn tụ xây dựng gia đình và nuôi dạy con, nhưng chị Ph cho rằng tình cảm giữa chị và anh B không thể hàn gắn được nữa nên chị cương quyết xin được ly hôn với anh B. Quan điểm của anh B cũng nhất trí ly hôn với chị Ph.

Tại biên bản làm việc xác minh tình trạng hôn nhân ngày 12/11/2018, chính quyền địa phương cho biết mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Ph và anh B là có thật, chị Ph bỏ về bên ngoại ở từ tháng 5 năm 2018 đến nay không về, nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị Ph đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Ph thì cương quyết xin ly hôn anh B và anh B cũng đồng ý, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ph và công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ph và anh B, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

-Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Hà Quang B xác định vợ chồng có 01 con chung, cháu Hà Thị Thanh Th, sinh ngày 07/12/2017.

Vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị Ph được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th và yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ,

Quan điểm của anh B, vì trong thời gian ly thân anh có đến thăm cháu Th gia đình chị Ph tuyên bố là anh không phải bố của cháu Th nên anh yêu cầu chị Ph phải xét nghiệm ADN giữa anh và cháu Th, nếu đúng cháu Th là con anh thì anh sẽ có trách nhiệm với cháu Th.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Ph vẫn khẳng định cháu Hà Thị Thanh Th là con chung của chị và anh B, nhưng trong thời gian ly thân, do tức giận nên gia đình chị đã nói là anh B không đủ tư cách làm bố của cháu Th. Việc anh B yêu cầu chị phải xét nghiệm ADN là không có cơ sở nên chị Ph không thực hiện yêu cầu của anh B. Tòa án đã giải thích pháp luật cho

anh B về việc “ Nếu anh nói cháu Th không phải con của anh” thì anh phải làm thủ tục xét nghiệm ADN để chứng minh huyết thống, nhưng anh B cương quyết không làm. Trên cơ sở về hôn nhân giữa chị Ph và anh B có đăng ký kết hôn, giấy khai sinh của cháu Th có tên bố là Hà Quang B, tên mẹ là Nguyễn Thị Ph, thời gian anh B và chị Ph kết hôn đến thời gian sinh cháu Th là phù hợp với thời gian mà chị Ph mang thai cháu Th. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định cháu Th là con chung của anh B và chị Ph, theo quy định tại điều 88 luật Hôn nhân và gia đình. Nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của của chị Nguyễn Thị Ph, giao cháu Hà Thị Thanh Th cho chị Ph tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Hà Quang B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ph mỗi tháng 1.500.000đ.

-Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Hà Quang B xác định vợ chồng không có tài sản gì chung, không vay nợ ai và cũng không có gì cho ai vay, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[4].Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ph phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. anh B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

***Áp dụng:** Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 55; Điều 58; Điều 81; 82; 83; Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ph về việc xin ly hôn với anh Hà Quang B.

-Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ph và anh Hà Quang B.

-Về con chung: Giao cháu Hà Thị Thanh Th, sinh ngày 07/12/2017 cho chị Nguyễn Thị Ph trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung (cháu Th) cùng chị Ph, mỗi tháng 1.500.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 04 năm 2019 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi.

Anh Hà Quang B có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được ngăn cấm.

***Về án phí:** Buộc chị Nguyễn Thị Ph phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ph đã nộp theo Biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017 /0003085 ngày 28 tháng 8 năm 2018. Của chi cục thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc. Anh Hà Quang B phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

***Về quyền kháng cáo, kháng nghị:** Chị Nguyễn Thị Ph, anh Hà Quang B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7A và 9 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hậu L;
- Chi cục THADS H. Hậu L;
- UBND xã L L;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Nguyễn Xuân Chuyên